

Kết quả điểm thi Ứng dụng CNTT nâng cao ngày 26/08/2018

stt	Sbd	Họ Và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Đơn vị	Lý thuyết	Thực hành	TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	T818250	Trịnh Thị Ngọc	Ái	09/04/1991	Nữ	Bình Thuận	Tự do	10.0	5.5	7.8	Trung bình	
2	T818251	Lê Thị Tâm	An	28/01/1991	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	8.8	9.4	Giỏi	
3	T818252	Trần Thị Tổ	An	20/02/1990	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	7.3	8.7	Giỏi	
4	T818253	Vũ Thị Thúy	An	04/11/1991	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.5	9.0	9.3	Giỏi	
5	T818254	Nguyễn Mai	Anh	21/08/1987	Nữ	Đồng Nai	Tự do	6.5	8.5	7.5	Khá	
6	T818255	Trần Thị Thục	Anh	23/11/1978	Nữ	Thanh Hóa	Tự do	8.0	6.5	7.3	Khá	
7	T818256	Phùng Thị	Bé	26/10/1968	Nữ	Đồng Nai	Tự do	8.0	8.3	8.2	Giỏi	
8	T818257	Lê Mạnh	Chiến	25/01/1990	Nam	Đồng Nai	Tự do	10.0	7.8	8.9	Giỏi	
9	T818258	Đào Anh	Dương	30/10/1979	Nam	Đồng Nai	Tự do	7.0	8.3	7.7	Khá	
10	T818259	Nguyễn Tuấn	Hải	18/06/1972	Nam	Đồng Nai	Tự do	8.0	7.0	7.5	Khá	
11	T818260	Huỳnh Thị	Hằng	01/01/1991	Nữ	Quảng Nam	Tự do	9.0	5.5	7.3	Trung bình	
12	T818261	Nguyễn Thị Tuyết	Hằng	29/07/1984	Nữ	Đồng Nai	Tự do	8.5	7.5	8.0	Giỏi	
13	T818262	Lê Thị Thảo	Hiền	14/10/1987	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	7.0	8.0	Giỏi	
14	T818263	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	10/02/1984	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.5	5.5	7.5	Trung bình	
15	T818264	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16/11/1978	Nữ	Thanh Hóa	Tự do	9.0	6.8	7.9	Khá	
16	T818265	Trần Nguyễn Mai	Hiền	09/05/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 Tiểu học C	8.0	6.0	7.0	Khá	
17	T818266	Trần Thị Thái	Hiền	25/04/1988	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	6.8	7.9	Khá	
18	T818267	Trương Thị	Hiền	26/07/1971	Nữ	Ninh Bình	Tự do	8.5	8.3	8.4	Giỏi	
19	T818268	Nguyễn Trọng	Hiếu	01/03/1983	Nam	Hưng Yên	Tự do	9.0	6.3	7.7	Khá	
20	T818269	Hoàng Thị	Hoa	19/10/1988	Nữ	Hải Dương	Tự do	8.5	8.0	8.3	Giỏi	
21	T818270	Hoàng Thị Thu	Hòa	16/07/1981	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	6.3	7.7	Khá	
22	T818271	Đỗ Thị Kim	Hồng	04/07/1968	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	7.5	8.3	Giỏi	
23	T818358	Phạm Thị	Hồng	12/02/1985	Nữ	Đồng Nai	Tự do	8.5	7.8	8.2	Giỏi	
24	T818272	Đoàn Thị	Huế	09/01/1992	Nữ	Hải Dương	Tự do	9.0	8.0	8.5	Giỏi	
25	T818273	Nông Thị	Huế	08/10/1992	Nữ	Đắk Lắk	Tự do	10.0	8.3	9.2	Giỏi	
26	T818274	Huỳnh Sơn	Hùng	01/01/1964	Nam	Đồng Nai	Tự do	9.0	6.3	7.7	Khá	
27	T818275	Lê Mạnh	Hùng	03/10/1976	Nam	Tuyên Quang	Tự do	8.5	5.5	7.0	Trung bình	
28	T818276	Đặng Trần Anh	Khoa	09/06/1984	Nam	Đồng Nai	Tự do	9.0	7.0	8.0	Giỏi	
29	T818277	Nguyễn Trần Tuấn	Kiệt	21/03/1972	Nam	Đồng Nai	Tự do	9.0	6.8	7.9	Khá	
30	T818278	Hà Thị Hoàng	Lan	01/09/1985	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.5	6.3	7.9	Khá	
31	T818279	Trần Thị Mỹ	Lệ	08/08/1988	Nữ	Tây Ninh	Tự do	9.5	6.8	8.2	Khá	
32	T818280	Nguyễn Thị Phương	Linh	06/07/1991	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	6.8	7.9	Khá	
33	T818281	Trần Thị Mỹ	Linh	13/12/1991	Nữ	Nghệ An	Tự do	7.5	5.8	6.7	Trung bình	
34	T818282	Hồ Thiên	Lộc	22/04/1996	Nam	Đồng Nai	K4 SP Anh A	8.0	3.5	5.8	Rót	
35	T818283	Đỗ Đình	Luân	12/12/1994	Nam	Đồng Nai	K2 SP Lý	6.0	2.3	4.2	Rót	
36	T818284	Vũ Thị	Lương	10/04/1987	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	5.5	7.3	Trung bình	
37	T818285	Lê Thị Kim	Lượng	20/12/1965	Nữ	Bình Dương	Tự do	9.0	6.0	7.5	Khá	
38	T818286	Phạm Thị Lưu	Luyến	18/06/1977	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	5.8	7.9	Trung bình	
39	T818287	Bùi Thị Hương	Mai	12/10/1982	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	5.0	7.0	Trung bình	
40	T818288	Nguyễn Văn	Minh	13/04/1987	Nam	Đồng Nai	Tự do	9.5	8.3	8.9	Giỏi	
41	T818289	Trịnh Hồng	Minh	17/01/1964	Nữ	Tuyên Quang	Tự do	v	v	v	Vắng	
42	T818290	Vũ Xuân Hoa	Mỹ	27/07/1985	Nữ	Lâm Đồng	Tự do	9.5	8.8	9.2	Giỏi	
43	T818291	Nguyễn Thị Bích	Nga	27/10/1975	Nữ	Đồng Nai	Tự do	8.5	4.0	6.3	Rót	
44	T818292	Phạm Thị Thanh	Nga	20/06/1991	Nữ	Bình Định	Tự do	9.5	8.8	9.2	Giỏi	
45	T818293	Bùi Thị Kim	Ngân	26/07/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 SP Sinh	7.0	5.0	6.0	Trung bình	
46	T818294	Phạm Thị Kim	Ngân	21/07/1987	Nữ	Tiền Giang	Tự do	7.5	7.8	7.7	Khá	
47	T818295	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	02/12/1989	Nữ	Thừa Thiên - Huế	Tự do	10.0	6.5	8.3	Khá	
48	T818296	Nguyễn Thị Tổ	Nguyên	07/09/1983	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	6.0	8.0	Khá	
49	T818297	Lương Công	Nhật	06/05/1984	Nam	Kiên Giang	Tự do	8.0	5.8	6.9	Trung bình	
50	T818298	Nguyễn Thị	Nhu	14/06/1981	Nữ	Thái Bình	Tự do	10.0	4.0	7.0	Rót	
51	T818299	Phạm Thị Hồng	Nhung	04/11/1977	Nữ	Hải Dương	Tự do	7.0	7.3	7.2	Khá	
52	T818300	Trịnh Thị	Nhung	22/08/1994	Nữ	Thanh Hóa	Tự do	9.0	7.5	8.3	Giỏi	
53	T818301	Nhữ Xuân	Phong	15/11/1988	Nữ	Nghệ An	Tự do	9.5	7.0	8.3	Giỏi	
54	T818302	Vũ Thị	Phú	19/12/1978	Nữ	Hòa Bình	Tự do	8.0	7.3	7.7	Khá	
55	T818303	Mai Thị	Phượng	10/09/1972	Nữ	Thanh Hóa	Tự do	9.0	5.0	7.0	Trung bình	
56	T818304	Trương Như Kiều	Phượng	31/12/1985	Nữ	Tiền Giang	Tự do	v	v	v	Vắng	
57	T818305	Nguyễn Hồng	Quang	12/06/1971	Nam	Nghệ An	Tự do	10.0	7.0	8.5	Giỏi	

stt	Sbd	Họ Và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Đơn vị	Lý thuyết	Thực hành	TBC	Xếp loại	Ghi chú
58	T818306	Bùi Đoàn Tâm	Quyên	14/08/1987	Nữ	Quảng Trị	Tự do	9.5	7.5	8.5	Giỏi	
59	T818307	Hà Thị Thu	Quỳnh	25/02/1987	Nữ	Đắk Lắk	Tự do	10.0	7.3	8.7	Giỏi	
60	T818308	Ninh Long	Tài	28/03/1991	Nam	Đồng Nai	Tự do	8.0	6.0	7.0	Khá	
61	T818309	Phan Đức	Thành	26/07/1985	Nam	Đồng Nai	Tự do	9.0	6.5	7.8	Khá	
62	T818310	Trần Ngọc Xuân	Thành	11/01/1992	Nam	TP. HCM	Tự do	9.5	7.5	8.5	Giỏi	
63	T818311	Bùi Thị Thanh	Thảo	23/01/1979	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	7.8	8.4	Giỏi	
64	T818312	Khổng Thị Thu	Thảo	20/06/1990	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.5	6.5	8.0	Khá	
65	T818313	Kim Thị Phương	Thảo	02/09/1986	Nữ	Đồng Nai	Tự do	8.0	8.8	8.4	Giỏi	
66	T818314	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/01/1991	Nữ	Đồng Nai	Tự do	10.0	9.3	9.7	Giỏi	
67	T818315	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12/01/1985	Nữ	Đồng Nai	Tự do	9.0	5.0	7.0	Trung bình	
68	T818316	Trương Ngọc Phương	Thảo	15/08/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 QTKD	9.0	6.0	7.5	Khá	
69	T818317	Nguyễn Trọng	Thiện	15/08/1997	Nam	Đồng Nai	K5 NN Anh B	9.0	5.0	7.0	Trung bình	
70	T818318	Nguyễn Lương	Thinh	01/06/1987	Nam	Nam Định	Tự do	8.0	6.8	7.4	Khá	
71	T818319	Phạm Thị	Thúy	26/05/1969	Nữ	Hải Dương	Tự do	6.5	9.3	7.9	Khá	
72	T818320	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	30/12/1967	Nữ	Đồng Nai	Tự do	8.5	7.3	7.9	Khá	
73	T818321	Võ Quang	Tĩnh	15/08/1983	Nam	Quảng Nam	Tự do	7.0	7.8	7.4	Khá	
74	T818322	Ninh Huỳnh	Toàn	27/05/1988	Nam	Đồng Nai	Tự do	10.0	8.0	9.0	Giỏi	
75	T818323	Khổng Trần	Trí	17/06/1991	Nam	Đồng Nai	Tự do	10.0	7.3	8.7	Giỏi	
76	T818324	Nguyễn Quý	Triều	30/04/1966	Nam	Đồng Nai	Tự do	10.0	6.8	8.4	Khá	
77	T818325	Khổng Thị Tuyết	Trình	05/09/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 Tiểu học C	7.0	4.0	5.5	Rớt	
78	T818326	Hà Quang	Trung	12/10/1988	Nam	Đắk Lắk	Tự do	9.0	9.0	9.0	Giỏi	
79	T818327	Vũ Thị Hải	Vân	27/12/1981	Nữ	Sơn La	Tự do	9.0	4.5	6.8	Rớt	
80	T818350	Trương Thành	Đạt	17/11/1997	Nam	Đồng Nai	K5 SP Hóa	8.5	7.5	8.0	Giỏi	
81	T818351	Lê Minh	Khang	26/07/1997	Nam	Đồng Nai	K5 SP Toán A	7.0	7.8	7.4	Khá	
82	T818352	Đỗ Bích	Ngọc	23/10/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 SP Toán A	6.0	6.3	6.2	Trung bình	
83	T818353	Cao Thanh	Phúc	03/06/1996	Nam	Đồng Nai	K5 SP Toán A	7.5	7.3	7.4	Khá	TH
84	T818354	Hoàng Thị	Thúy	03/03/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 SP Lý	8.0	7.0	7.5	Khá	
85	T818355	Nguyễn Ngọc Thu	Thủy	07/08/1995	Nữ	Đồng Nai	K5 Tiểu học B	7.0	8.8	7.9	Khá	
86	T818356	Phạm Dương Thanh	Toàn	02/05/1997	Nam	Đồng Nai	K5 SP Toán B	8.0	5.0	6.5	Trung bình	TH
87	T818357	Đỗ Phương	Uyên	08/02/1997	Nữ	Đồng Nai	K5 Tiểu học B	7.0	7.8	7.4	Khá	

Thí sinh đăng ký dự thi: 87

Thí sinh vắng: 2

Thí sinh dự thi: 85

Đậu: 79 = 92,94%

Rớt: 06 = 7,06%

Trong đó: Giỏi: 30 = 37,97%

Khá: 34 = 43,04%

Trung bình: 15 = 18,99%

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

P. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

TS. Đinh Quang Minh